**Phần I: Đọc hiểu (4đ)**

Đọc văn bản:

**CON SÁO BIẾT NÓI**

(Thái Sinh)

*Năm học lớp hai, mẹ dẫn tôi về quê ngoại ăn giỗ. Cậu Tung cho tôi con sáo mới mọc lông măng. Chiều chiều tôi xách lồng sáo theo lũ trẻ chăn trầu ra đồng bắt cào cào. Tôi làm theo lời cậu, tập cho chim ăn mặn để chim quen không bỏ đi. Chả mấy chốc con chim đã mọc đủ lông đủ cánh. Khi nó biết hót, cậu tôi bảo: “Phải cắt một ít lưỡi thì mới dạy nó nói được”. Tôi ngạc nhiên hỏi lại: “Vì sao lại như thế?” Cậu tối đáp: “Không biết, nghe người ta bảo vậy”. Tôi làm theo lời cậu, mỗi ngày bỏ ra vài giờ dạy sáo nói. Mỗi lần nó nói được một câu tôi lại thưởng cho nó một miếng chuối hay một con cào cào béo mẫm. Con sáo khá thông minh, nó nói được cả những câu dài. Chả mấy chốc tiếng đồn về con sáo biết nói của tôi lan khắp làng trên xóm dưới. Không ít người đã đi hàng chục cây số để tới xem. Có người trên thành phố trả bố tôi hai chỉ vàng nhưng bố tôi không bán, “Nuôi nó cho vui cửa vui nhà...”. Thỉnh thoảng nó vẫn theo tôi ra đồng, lũ trẻ chúng tôi cởi trần đánh trận giả, còn nó thì nhảy lên lưng các con trầu bắt rận. chiều ấy tôi để ý thấy đàn chim sáo từ đầu bay tới, chúng đậu trên lưng các con trâu hoặc nhảy lên các bờ ruộng tìm bắt cào cào, châu chấu. Chúng ríu rít bay từ ruộng nọ sang ruộng Ida, con sáo của tôi cứ nghênh nghếch cái đầu nhìn đàn chim với sự lạ lẫm và cố đơn. Tôi chìa tay vẫy nó:*

*- Sáo ơi, lại đầy...*

*Nó bay đậu lên vai tồi, nhưng vẫn nghển cổ nhìn đàn chim đang ríu rít trên đổng. Tôi vuốt bộ lông đen mượt của nó vỗ về:*

*- Đừng buồn nữa, chiều nay ta sẽ cho ăn chuối...*

*Nó dường như không nghe thấy tiếng nói của tôi, đôi mắt đen huyền vẫn đăm đăm nhìn theo đàn chim. Và tiếng gọi đồng loại đã mạnh hơn tôi, nó xòe cánh bay về phía đàn sáo đẩu vẫn nghênh nghênh như chẳng hiểu gì. Đàn sáo thi nhau hót. Dường như không chịu nổi, con sáo của tôi cũng vươn cổ: “Nhà có khách... nhà có khách...”. Tiếng của nó làm đàn chim sững sờ, chúng nhớn nhác nhìn ra xung quanh. Con sáo của tôi lại tiếp tục: “Xin chào ông bà... xin chào đại ca...”. Lẩn này tiếng của nó làm đàn chim hốt hoảng bay tóa lên, con sáo của tôi nhìn theo đàn chim ngơ ngác. Trong phút chốc nó cũng vụt bay theo, vừa bay vừa cất lên những câu tôi dạy, càng làm cho đàn chim hốt hoảng bay nhanh hơn. Tôi vừa chạy theo nó vừa gọi, dường như nó chẳng nghe thấy tiếng tôi, cứ bay theo đàn chim. Thế là mất, tôi ngồi xuống bờ ruộng thẫn thờ nhìn đàn chim lẫn vào đám mầy màu cỏ úa cuối chần trời. Tôi đánh trâu trở về nhà. Biết tin này, mẹ tôi xuýt xoa:*

*- Biết thế, hồi ấy bố mày bán quách cho người ta lấy hai chỉ vàng có hơn không!*

*Bố tôi thì bảo:*

*- Thế là giải phóng nó khỏi sự tù hãm và khỏi phải nói những lời nhạt hoét của con người...*

*Tôi buồn vì mất một người bạn thần thiết.*

*Ngờ đâu ba ngày sau con sáo bay trở về, với tấm thân tả tơi. Rất có thể đổng loại không chấp nhận nó, một kẻ lạc loài. Mẹ tôi bảo: “Chắc cu cậu khống quen ăn nhạt”. Bố tôi lại chép miệng: “Thật tội nghiệp...”.*

*Tôi nhốt con sáo vào lồng. Con sáo trở nên trái tính trái nết, nó không chịu học thêm những cầu mới, suốt ngày chỉ nhại đi nhại lại những câu tôi đã dạy. Ba tháng sau con sáo chết vi rách họng. Mẹ tôi chép miệng thở dài. Bố tôi bảo: “Thế cũng là cách tự giải phóng...”. Tôi thì tiếc ngẩn ngơ, vì từ nay tôi mất một người bạn. chị tôi năm ấy đang học lớp sáu đã ghi vào sổ tay: “Tuổi của một con sáo biết nói tiếng người là hai mươi mốt tháng năm ngày”. Tôi chôn con sáo ở gốc me ngoài cổng, đêm đêm tôi vẫn nghe tiếng nó cất lên cô đơn trong gió lạnh.*

(In trong 100 truyện hay cực ngắn, NXB Văn nghệ TP.HCM, 1999)

Câu 1. Câu chuyện diễn ra trong bối cảnh nào?

Câu 2. Trong câu văn: Mẹ tôi bảo: “Chắc cu cậu không quen ăn nhạt”; dấu hai chấm (:) và dấu ngoặc kép (“ ”) có tác dụng gì?

Câu 3. Tình huống con sáo bay theo đàn chim và không trở về có ý nghĩa gì đối với câu chuyện?

Cầu 4. Chủ đề chính của truyện là gì?

Câu 5. Nếu em là nhân vật “tôi”, em sẽ làm gì khi con sáo bay theo đàn chim và không trở về?

**Phần II: Viết**

**Câu 1 (2đ).** Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích ý nghĩa của tình huống con sáo bay theo đàn chim trong câu chuyện “Con sáo biết nói” của Thái Sinh.

**Câu 2 (4đ).** Trong bài phóng sự: “Bệnh vô cảm len lỏi trong giới trẻ thời đại số” trên Thời báo VTV) số ra ngày 19/11/2022 có viết: "Vô cảm còn bị ví như căn bệnh "ung thư tâm hồn”; khiến sự tử tế; sự nhân văn cạn kiệt.”

Viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến của em về bệnh vô cảm trong giới trẻ hiện nay và đề xuất giải pháp khắc phục.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** | **1** | * Câu chuyện diễn ra ở quê ngoại của nhân vật “tôi”.   Trong không gian làng quê và đồng ruộng. | 0,25  0,25 |
|  | **2** | * Dấu hai chấm (:) được sử dụng để báo hiệu lời nói trực tiếp của nhân vật.   Dấu ngoặc kép (“ ”) dùng để đánh dấu phần lời nói trực tiếp của nhân vật người mẹ. | 0,25  0,25 |
|  | **3** | - Tình huống con sáo bay theo đàn chim thể hiện khát khao tự do của nó. Đồng thời; nó cho thấy sự đối lập giữa bản năng tự nhiên và những ràng buộc do con người đặt ra, qua đó làm nổi bật chủ đề câu chuyện. | 1 |
|  | **4** | - Một số chủ đề có thể gọi ra như:  + Tình bạn và sự mất mát.  + Sự xung đột giữa bản năng tự nhiên và sự can thiệp của con người.  + Câu chuyện nhấn mạnh tầm quan trọng của tự do đối với mỗi sinh vật, và cách mà việc mất đi tự do có thể dẫn đến những hậu quả tiêu cực.  + Bài học về sự tự do và sự tôn trọng cuộc sống tự nhiên.  + Truyện cũng có thể được xem như một lời cảnh báo về những giới hạn của việc con người can thiệp vào tự nhiên. | 1 |
|  | **5** | Học sinh trả lời theo cách suy nghĩ của mình, giáo viên linh động cho điểm.  - Nếu em là nhân vật “tôi”, em có thể sẽ cố gắng chấp nhận việc mất đi con sáo, vì đó là tự nhiên và là quyền tự do của nó. Em sẽ học cách để yêu thương và bảo vệ động vật mà không giam cẩm chúng. | 1 |
| **II** | **1** | 1. Đảm bảo cấu trúc đoạn nghị luận văn học 2. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Viết đoạn văn phân tích ý nghĩa của tình huống con sáo bay theo đàn chim trong cầu chuyện “Con sáo biết nói” của Thái Sinh. 3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm   HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cân giới thiệu được vấn đề cẩn bàn luận, nêu rõ lý do và quan điểm của bản thân, đưa ra luận điểm chính xác, lập luận chặt chẽ, sử dụng bằng chứng thuyết phục.  Sau đầy là một hướng gợi ý:   1. *Mở đoạn:*  * Giới thiệu ngắn gọn về tình huống con sáo bay theo đàn chim trong cầu chuyện. * Đặt vấn đề: Tình huống này mang ý nghĩa quan trọng trong việc thể hiện chủ đề của câu chuyện.  1. *Thân đoạn:*  * Diễn biến tình huống:   + Mô tả cảnh con sáo bị thu hút bởi đàn chim sáo ngoài đổng, thể hiện khát vọng tự do, muốn hòa nhập với thế giới tự nhiên.  + Con sáo quyết định bay theo đàn chim mặc dù đã được nhân vật “tôi” dạy dỗ và gắn bó với cuộc sống trong lồng.   * Ý nghĩa của tình huống:   + Thể hiện khát khao tự do: Tình huống con sáo bay theo đàn chim là biểu tượng cho khát vọng tự do không thể ngăn cản của các sinh vật, dù bị giam cầm hay được chăm sóc tốt như thế nào.  + Sự xung đột giữa bản năng và sự giam cẩm: Tình huống này thể hiện sự xung đột giữa bản năng tự nhiên của con sáo (muốn sống tự do, hòa nhập với đồng loại) và sự giam cẩm, áp đặt của con người (nhần vật “tôi”).  + Tác động tầm lý lên nhân vật “tôi”: Sự ra đi của con sáo tạo nên một nỗi buồn sâu sắc cho nhân vật “tôi”, đổng thời khiến cậu nhận ra rằng tình yêu thương không thể thay thế cho nhu cầu tự do.  - Tác dụng đối với cốt truyện và chủ để:  + Tình huống này đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển cốt truyện, đưa cầu chuyện đến cao trào và mở ra sự thấu hiểu vể giá trị của tự do.  + Góp phần thể hiện rõ chủ đề của câu chuyện về sự tôn trọng tự do và giới hạn của sự can thiệp vào tự nhiên.  c. Kết đoạn:  - Khẳng định ý nghĩa sâu sắc của tình huống con sáo bay theo đàn chim trong việc làm nổi bật chủ đề và tư tưởng của cầu chuyện.  - Liên hệ: Từ tình huống này, người đọc có thể rút ra bài học về giá trị của tự do và sự tôn trọng bản năng tự nhiên. | 0,25  0,25  1 |
|  |  | 4. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,25 |
|  |  | 5. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng đúng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản. | 0,25 |
|  | 2 | 1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận xã hội   Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.   1. Xác định đúng yêu câu của đề: Viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến của em về bệnh vô cảm trong giới trẻ hiện nay và đê' xuất giải pháp khắc phục. 2. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm   HS có thể viết bài theo nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lý lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau:  a. Mở bài:  - Dẫn dắt vấn đề: Giới thiệu vể một số hiện tượng xã hội tiêu cực, như thờ ơ với người gặp nạn, thiếu lòng trắc ẩn, từ đó dẫn đến khái niệm về “bệnh vô cảm” trong xã hội hiện đại.  - Giới thiệu đề tài: Khái quát về căn bệnh vô cảm trong giới trẻ hiện nay, nhấn mạnh tính cấp thiết của việc nhận diện và khắc phục vấn đề này.  - Trích dẫn ý kiến: Dẫn lại câu nói từ bài phóng sự: “Vô cảm còn bị ví như căn bệnh “ung thư tâm hổn”, khiến sự tử tế, sự nhân văn cạn kiệt”.  b. Thân bài:  1. Khái niệm và biểu hiện của bệnh vô cảm trong giới trẻ  - Khái niệm:  + Vô cảm là trạng thái tâm lý thiếu cảm xúc, thờ ơ, lạnh lùng trước những vấn đề xã hội hoặc đau khổ của người khác.  - Đặc điểm của “bệnh vô cảm”: không có phản ứng trước những hoàn cảnh cẩn sự giúp đỡ, không quan tâm đến những giá trị nhân văn, thiếu lòng trắc ẩn.  - Biểu hiện trong giới trẻ:  + Thờ ơ trước những khó khăn, đau khổ của người khác: ví dụ như việc thấy người bị tai nạn trên đường nhưng không dừng lại giúp đỡ.  + Thiểu quan tâm, chia sẻ trong các mối quan hệ hàng ngày: không chia sẻ cảm xúc với gia đình, bạn bè.  + Thụ động trước các vấn đề xã hội, không tham gia vào các hoạt động cộng đồng.  2. Nguyên nhân dẫn đến bệnh vô cảm trong giới trẻ  - Tác động của công nghệ và mạng xã hội.  + Sự phát triển của công nghệ khiến giới trẻ dần bị cuốn vào thế giới ảo, xa rời thực tế, thiếu sự tương tác trực tiếp.  + Sự lan truyền của những thông tin tiêu cực, những cảnh bạo lực, làm mất đi tính nhạy cảm của tâm hồn.  - Gia đình và môi trường sống:  + Gia đình thiếu sự giáo dục về giá trị nhân văn, tình thương và lòng trắc ẩn.  + Môi trường sống cạnh tranh, áp lực cuộc sống khiến giới trẻ tập trung vào lợi ích cá nhân, dẫn đến sự thờ ơ, vô cảm.  - Tác động của xã hội:  + Xã hội hiện đại với nhịp sống nhanh; coi trọng vật chất, dần làm mờ nhạt những giá trị nhân văn.  + Sự giảm sút niềm tin vào công lý và đạo đức xã hội.  3. Hậu quả của bệnh vô cảm  - Đối với cá nhân:  + Đánh mất giá trị bản thân, sống một cuộc sống vô nghĩa, không có sự kết nối với cộng đồng.  + Dẫn đến các vấn đề tâm lý như cô đơn, trầm cảm.  - Đối với xã hội:  + Phá vỡ mối quan hệ giữa con người với con người, làm suy giảm tinh thẩn đoàn kết.  + Gây ra sự thiếu ổn định xã hội khi mọi người khống quan tâm, giúp đỡ nhau trong những hoàn cảnh khó khăn.  4. Giải pháp khắc phục bệnh vô cảm trong giới trẻ  - Về phía cá nhân:  + Nâng cao nhận thức về giá trị của tình thương, lòng nhân ái và sự chia sẻ.  + Tham gia vào các hoạt động tình nguyện, hoạt động xã hội để rèn luyện lòng trắc ẩn và tinh thẩn tương thân tương ái.  - Về phía gia đình:  + Cha mẹ cần giáo dục con cái về tình cảm, giá trị nhân văn ngay từ nhỏ, tạo môi trường sống đầy yêu thương, chia sẻ.  + Thường xuyên tổ chức các hoạt động gia đình để tăng cường sự gắn kết, quan tâm lẫn nhau.  - Về phía xã hội:  + Tạo điều kiện để giới trẻ tham gia vào các hoạt động cộng đồng, tạo sân chơi lành mạnh, hướng tới các giá trị tích cực.  + Các cơ quan, tổ chức cần đẩy mạnh tuyên truyền về tầm quan trọng của lòng nhân ái, tổ chức các chiến dịch kêu gọi sự chia sẻ, giúp đỡ cộng đổng.  c. Kết bài:  - Khẳng định lại vấn đề: Tẩm quan trọng của việc nhận diện và khắc phục bệnh vô cảm trong giới trẻ, để xây dựng một xã hội nhân văn, đầy tình thương.  - Kêu gọi hành động: Kêu gọi mỗi cá nhân, gia đình, và toàn xã hội cùng chung tay giải quyết vấn đề này, hướng tới một tương lai tốt đẹp hơn. | 0,25  0,5  2,5 |
|  |  | 4. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sầu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |
|  |  | 5. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng đúng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản. | 0,25 |